

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 7 – 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuấn.

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 24/7/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H– Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội 10 thôn T xã Yên C huyện Y tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Tạ Quang H2 – Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 10 thôn T xã Yên C huyện Y tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H và anh H2 (chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018, bản tự khai 12/6/2018 và tại các buổi làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Tạ Quang H2 vào ngày 24/01/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H2 không tu chí làm ăn, làm gì cũng tự làm tự quyết, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H2 đi làm quanh năm nhưng 10 năm trở lại đây không có tiền mang về để nuôi con, lo cho công việc gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã và chính thức sống ly thân từ ngày 23/8/2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị và anh H2 có hai con chung là Tạ Hoài N, sinh ngày 16/10/2006 và Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/8/2010. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai đề ngày 15/6/2018, bị đơn anh Tạ Quang H2 trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị H. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H không cùng suy nghĩ nên dẫn đến bất đồng. Anh làm ăn kinh tế thua lỗ nhưng chị H đòi hỏi phải có nhà riêng. Anh, chị cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong quá trình nuôi dạy con cái, mặc dù anh đã có nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tạ Hoài N, sinh ngày 16/10/2006 và Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/8/2010. Anh H2 xin nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H2 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh chị không thống nhất được vấn đề con chung nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin vắng mặt. Anh H2 mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Phan Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Tạ Quang H2 có nơi cư trú tại Đội 10, thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh H2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Tạ Quang H2 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã. Trên thực tế chị H, anh H2 đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ tháng 8/2017 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh H2 cũng đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H2 có hai con chung là Tạ Hoài N, sinh ngày 16/10/2006 và Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/8/2010. Anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy để san sẻ trách nhiệm của anh chị với con chung, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên giao cho anh chị mỗi người nuôi một con chung. Cụ thể, cháu Quỳnh A còn nhỏ, là con gái nên vấn đề phát triển tâm sinh lý sau này cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên giao cháu Quỳnh A cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh H2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H2 không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147; 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phan Thị H và anh Tạ Quang H2.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/8/2010 cho chị H nuôi dưỡng. Giao con chung là Tạ Hoài N, sinh ngày 16/10/2006 cho anh H2 nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H2 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phan Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000837, ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phan Thị H và anh Tạ Quang H2 được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích